TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**
Số: 06/2025/QĐST-DS	*Thanh Hóa, ngày 29 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**** Nguyên đơn**:* Ngân hàng V (V)

Địa chỉ: số 89 Láng H, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn Q - Chức danh: Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng cá nhân miền Bắc 1 - Trung tâm THN KHDN và XLN pháp lý (Văn bản ủy quyền số: 16/2025/UQN-CTQT ngày 24/4/2025).

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Ngọc V - Chuyên viên xử lý nợ V (*Theo văn bản ủy quyền số 744/2025/UQ-LCC-VPB ngày 16/6/2025*);

**** Bị đơn:*** Anh Trịnh Đình C, sinh năm 1982 và chị Lê Thị T, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: số 166, đường M, thôn C, xã L, tỉnh Thanh Hóa (trước đây là số 166, đường M, khu phố C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ:

Các bên đương sự đã thống nhất số tiền anh Trịnh Đình C và chị Lê Thị T phải trả cho V tạm tính đến đến ngày 19/9/2025 là **2.138.618.189** đồng; trong đó: nợ gốc**: 1.964.864.832** đồng; nợ lãi: **173.753.357** đồng. Và tiền lãi phát sinh theo

các Hợp đồng tín dụng (*Hợp đồng tín dụng số 10236794 ngày 26/7/2024; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 16/8/2021; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 11/7/2022)* kể từ ngày 20/9/2025 đến khi anh C và chị T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho V.

2.2. Về thời gian trả nợ:

Các bên đương sự thỏa thuận: Anh C, chị T phải trả toàn bộ khoản nợ cho V tạm tính đến ngày 19/9/2025 là **2.138.618.189** đồng; trong đó: nợ gốc: **1.964.864.832** đồng; nợ lãi: **173.753.357** đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/9/2025 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Thời gian trả chậm nhất vào ngày 30/12/2025.

Nếu Anh C, chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp, gồm:

+ *Tài sản thứ nhất*: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 59, tờ bản đồ số: 57, địa chỉ tại: Thôn Xuốm, xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 660680; Số vào sổ chứng nhận quyền sử dụng đất: CH-00543 do UBND huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 03/11/2016, mang tên ông Trịnh Đình C và bà Lê Thị T, xác lập theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LN 1905271418813/01 ngày 31/5/2019.

+ *Tài sản thứ hai:* Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 592, tờ bản đồ số: 8, địa chỉ tại: Khu phố Chiềng Trải, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 132189; Số vào sổ chứng nhận quyền sử dụng đất: 00852 do UBND huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 17/4/2019, mang tên ông Trịnh Đình C, xác lập theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LN 1905271418813/02 ngày 31/5/2019.

+ *Tài sản thứ ba:* Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 77, tờ bản đồ số: 57, địa chỉ tại: Thôn Xuốm Chỏng, xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 132883; Số vào sổ chứng nhận quyền sử dụng đất: 0CH 00737 do UBND huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/8/2019, mang tên ông Trịnh Đình C, xác lập theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LN 2206246075320 ngày 29/6/2022.

2.3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

2.4. Về án phí:

- Anh Trịnh Đình C và chị Lê Thị T phải chịu 37.386.000 đồng (*ba mươi bảy triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng - đã làm tròn số*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.894.000 đồng (*ba mươi sáu triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002655, ký hiệu BLTU/25E ngày 10/7/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 - Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 - Thanh Hóa;
- Phòng THADS KV 11 - Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Trịnh Xuân Tùng